TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 7 - 2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Như Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Phước Trinh;

2. Bà Phạm Thị Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Kim An - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Không có.

Trong ngày 15 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 123/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2025 về việc "Tranh chấp Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 328/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 351/2025/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Ý N, sinh ngày 13/9/1998; căn cước công dân cấp ngày 18/11/2021 tại Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội (có mặt).

Nơi đăng ký thường trú: Ấp P, xã B, tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ cũ: Ấp P, xã B, huyện M, tỉnh Vĩnh Long).

Nơi đăng ký tạm trú: Số A đường P, ấp T, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: Số A đường P, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh ngày 10/9/1990; căn cước công dân cấp ngày 19/8/2022 tại Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội (vắng mặt).

Nơi đăng ký thường trú: Thôn P, xã C, tỉnh Lâm Đồng (địa chỉ cũ: Thôn S, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng).

Nơi đăng ký tạm trú: Số A đường P, ấp T, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: Số A đường P, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 03/02/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Hồ Thị Ý N trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Lâm Đồng (nay là Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Lâm Đồng). Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, cả hai cùng làm việc để xây dựng gia đình và nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, sau này thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tôn trọng ý kiến của nhau; ông T hay đi nhậu với bạn, không chăm lo gia đình. Bà có khuyên nhưng ông T vẫn không thay đổi. Bà và ông T ly thân đã hơn 01 năm. Nay bà xác định không còn tình cảm vợ chồng và không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân với ông T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Bà và ông T có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Hồ An N1, sinh ngày 12/4/2021 và Nguyễn Hồ Nhã Q, sinh ngày 26/7/2022. Bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà N xác định không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà N xác định không có.

Tại bản tự khai và biên bản ghi nhận ý kiến ngày 16/4/2025, bị đơn là ông Nguyễn Văn T trình bày:

Đầu năm 2020, ông và bà Hồ Thị Ý N làm chung Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên C nên quen biết, tìm hiểu và tiến tới hôn nhân. Cả hai đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Lâm Đồng (nay là Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Lâm Đồng) ngày 26/10/2020. Sau khi kết hôn cả hai sống và làm việc tại huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Từ tháng 11/2024 đến nay hai bên xảy ra mâu thuẫn trong việc chăm sóc con cái do bà N thường xuyên để con ở nhà cho ông chăm sóc, bà N thì đi chơi với bạn bè. Ông khuyên bà N nhiều lần nhưng không được nên ông buồn và hay đi nhậu với bạn. Nay bà N yêu cầu ly hôn ông không đồng ý. Ông muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng để cùng nhau chăm sóc con cái.

Về con chung: Ông và bà N có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Hồ An N1, sinh ngày 12/4/2021 và Nguyễn Hồ Nhã Q, sinh ngày 26/7/2022. Ông yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông T xác định không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Ông T xác định không có.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn là bà Hồ Thị Ý N giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn T; về con chung: Bà N yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Hồ An N1, sinh ngày 12/4/2021 và Nguyễn Hồ Nhã Q, sinh ngày 26/7/2022, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho ông Nguyễn Văn T quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Bà Hồ Thị Ý N yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn T; bà và ông T có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Hồ An N1, sinh ngày 12/4/2021 và Nguyễn Hồ Nhã Q, sinh ngày 26/7/2022, bà N yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không có. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn là ông Nguyễn Văn T cư trú tại Số A đường P, ấp T, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Hồ Thị Ý N có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải theo quy định tại Khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Như vậy, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, ghi nhận ý kiến của các đương sự và đưa vụ án ra xét xử. Đồng thời, Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng ông T vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn T theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Hồ Thị Ý N và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 19 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Lâm Đồng (nay là Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Lâm Đồng) cấp ngày 26/10/2020. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét trình bày của bà N, bà và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2020. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, cả hai cùng làm việc để xây dựng gia đình và nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, sau này thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tôn trọng ý kiến của nhau; ông T hay đi nhậu với bạn, không chăm lo gia đình. Bà có khuyên nhưng ông T vẫn không thay đổi. Bà và ông T ly thân đã hơn 01 năm. Nay bà xác định không còn tình cảm vợ chồng và không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân với ông T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Xét trình bày của bị đơn ông Nguyễn Văn T tại bản tự khai và biên bản ghi nhận ý kiến ngày 16/4/2025, năm 2020, ông và bà Hồ Thị Ý Nguyên quen biết, tìm hiểu và tiến tới hôn nhân. Cả hai đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Lâm Đồng ngày 26/10/2020. Sau khi kết hôn cả hai sống và làm việc tại huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Từ tháng 11/2024 đến nay hai bên phát sinh mâu thuẫn trong việc chăm sóc con do bà N thường xuyên để con ở nhà cho ông chăm sóc, bà N đi chơi với bạn bè.

Ông khuyên bà N nhiều lần nhưng không được nên ông buồn và hay đi nhậu với bạn. Nay bà N yêu cầu ly hôn ông không đồng ý. Ông muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng để cùng nhau chăm sóc con chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T trình bày nguyện vọng được hàn gắn quan hệ vợ chồng để cùng nhau chăm sóc con chung. Tuy nhiên bà N vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn. Đồng thời, ông T thừa nhận từ tháng 11/2024 đến nay vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Ông đã khuyên bà N nhưng bà N vẫn không thay đổi và ông buồn nên thường đi nhậu với bạn bè cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông T đã đến mức trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà N được ly hôn với ông T là có cơ sở.

[4] Về con chung:

Bà N và ông T có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Hồ An N1, sinh ngày 12/4/2021 và Nguyễn Hồ Nhã Q, sinh ngày 26/7/2022. Bà N yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Tại bản tự khai và biên bản ghi nhận ý kiến ngày 16/4/2025, ông T cũng trình bày yêu cầu được quyền nuôi dưỡng 02 con chung. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, ông T không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh bà N không đủ điều kiện nuôi 02 con chung và ông T vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, xét 02 con chung còn nhỏ, để ổn định tâm lý và sự phát triển mọi mặt của trẻ, Hội đồng xét xử quyết định giao 02 con chung tên Nguyễn Hồ An N1 và Nguyễn Hồ Nhã Q cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét đây là sự tự nguyện của bà N, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Nếu sau này bà N có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sẽ được Tòa án giải quyết trong vụ án khác.

[5] Về tài sản chung: Bà N và ông T xác định không có.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà N và ông T xác định không có.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xét buộc bà Hồ Thị Ý N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là bà Hồ Thị Ý N về việc cho ly hôn giữa bà Hồ Thị Ý N và ông Nguyễn Văn T.

Kể từ ngày Bản án phát sinh hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 19 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Lâm Đồng (nay là Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Lâm Đồng) cấp ngày 26/10/2020 cho bà Hồ Thị Ý N và ông Nguyễn Văn T không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Bà Hồ Thị Ý N và ông Nguyễn Văn T có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Hồ An N1, sinh ngày 12/4/2021 và Nguyễn Hồ Nhã Q, sinh ngày 26/7/2022.

Giao 02 con chung tên Nguyễn Hồ An N1 và Nguyễn Hồ Nhã Q cho bà N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi dưỡng con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, yêu cầu của cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84, Khoản 2 Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

5. Về án phí sơ thẩm:

Bà Hồ Thị Ý N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0063598 ngày 18/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

6. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 8 - TPHCM;
- Phòng THADS Khu vực 8 - TPHCM;
- Ủy ban nhân xã C, tỉnh Lâm Đồng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Như Ngọc